

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 -8-2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh, bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Cấp – Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 07 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/08/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975.

Bị đơn: Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Ý tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa: Bị đơn ông D, bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Việt D, lấy nhau năm 1998. Khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý tỉnh Nam Định, sau khi có cuộc sống chung, bà T và ông D sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên va chạm, không quan tâm đến nhau từ năm 2018, chính thức ly thân vào năm 2020. Nay bà T xác định không còn tình cảm đã làm đơn xin ly hôn ông D tại Tòa án huyện Ý tỉnh Nam Định; Con chung: Có hai con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh 29/4/2000 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 09/10/2004. Các cháu trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Việt D, trình bày: Về thời gian điều kiện kết hôn như bà T trình bày là đúng, song mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những va chạm bình thường, ông D xác định không nhất trí ly hôn vì ông D vẫn còn tình cảm, mong muốn có một gia đình trọn vẹn để con cái không bị ảnh hưởng; về con chung và tài sản chung ông D nhất trí ý kiến của bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, ông D vắng mặt. Bà T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyễn Việt D theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ Luật Tố tụng dân sự, và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Ông D, bà Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Việt D;

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt D, bà Nguyễn Thị T thống nhất không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm ly hôn bà Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định pháp luật.

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của bà T, ông D đề nghị xét xử vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt D có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Y, huyện Ý tỉnh Nam Định. Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 06/8/2024, Tại trụ sở Tòa án huyện Ý tỉnh Nam Định, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Ông Nguyễn Việt D vắng mặt, bà Nguyễn Thị T có mặt và có đơn xin không tiến hành hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Việt D có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn thị T2 và ông Nguyễn Việt D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau thời gian chung sống hạnh phúc hơn 10 năm thì giữa ông D, bà T2 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, cả hai bên cùng xác nhận do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung căng thẳng, không có hạnh phúc và sống ly thân từ năm 2020. Bà T2, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Việt D. Về phía ông Nguyễn Việt D, xác định còn tình cảm với bà T2, không nhất trí ly hôn, nhưng ông D không có biện pháp hàn gắn cuộc hôn nhân mà để tình trạng ly thân kéo dài. Xét thấy, tình cảm giữa ông D, bà T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của bà T2, xử cho bà T2 được ly hôn ông D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt D, bà Nguyễn Thị T thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Việt D.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt D, bà Nguyễn Thị T thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Bà Nguyễn Thị T phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003638, ngày 08/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Việt D, vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh T3

